TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 197/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025).

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1986.

Số căn cước công dân: 060186003253; cấp ngày 07/11/2025; nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: Số nhà B, đường Đ, khu phố G, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Quốc Khương A, sinh năm 1983.

Số căn cước: 060083003547; cấp ngày 12/6/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số nhà B, đường Đ, khu phố G, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Quốc Khương A tự nguyện sống chung năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011, quyển số 01/2011 ngày 08/9/2011.

Cuộc sống chung giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Quốc Khương A không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do tính cách không phù hợp. Nay bà H và ông A xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hân N, sinh ngày 31/8/2012; Nguyễn Quốc An K, sinh ngày 13/11/2015 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 25/5/2024. Bà H, ông A thỏa thuận giao 03 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông A không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà H, ông A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H, ông A tự khai không có.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Quốc Khương A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2011, quyển số 01/2011 ngày 08/9/2011 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Quốc Khương A không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hân N, sinh ngày 31/8/2012; Nguyễn Quốc An K, sinh ngày 13/11/2015 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 25/5/2024. Bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung Nguyễn Hân N, Nguyễn Quốc An K và Nguyễn Bảo N1. Ông Nguyễn Quốc Khương A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự tự khai không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: Mỗi người phải nộp 150.000 đồng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà H và ông A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004769 ngày 15/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Thi hành án dân sự Tp Hồ Chí Minh;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Trâm